

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 287/2025/DS-ST
Ngày 30-9-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Nông.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 309/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 79/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, thông báo về việc dời lịch phiên tòa số 01/2025/TB-TA ngày 14/8/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 165/2025/QĐST-DS ngày 04/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Tổ chức tài chính vi C (Tổ chức tài chính vi mô C); trụ sở: số A Cách mạng H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Văn Quốc C; địa chỉ: T tỉnh Bình Dương, đường A, khu dân cư V, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 271/2024/GUQ-C ngày 23/4/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1975; thường trú: số B, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1995; thường trú: E Đ, phường L, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường L, tỉnh Lâm Đồng). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Tổ chức tài chính C (C) là ông Văn Quốc C trình bày.*

Ngày 10/05/2023, bà Nguyễn Thị T có làm hồ sơ đề nghị vay vốn của Tổ chức tài chính vi C -Chi Nhánh T1. Bà Nguyễn Thị Hồng N xác nhận bảo lãnh về khoản vay của bà T. Ngày 23/5/2023, bà Nguyễn Thị T đã nhận vốn vay tại C với số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất bình quân 0,76%/tháng, phương thức hoàn trả hàng tháng. Từ ngày 25/6/2024, bà T không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 30/9/2025, bà T còn nợ Tổ chức tài chính vi mô C là 25.435.202 đồng, trong đó: nợ vốn gốc là 23.155.202 đồng, lãi 2.280.000 đồng. C đã nhiều lần liên hệ làm việc với bà T về số nợ nêu trên nhưng bà T trốn tránh và không tiếp tục thực hiện việc trả nợ. Vì vậy, Tổ chức tài chính vi mô C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T trả cho Tổ chức tài chính vi C số tiền 25.435.202 đồng, trong đó: nợ gốc là 23.155.202 đồng, nợ lãi là 2.280.000 đồng. Tổ chức tài chính vi mô C chỉ thu đủ số tiền 25.435.202 đồng, không thu thêm lãi quá hạn đối với khách hàng. Đồng thời, nếu bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu bà N là người có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ nêu trên cho Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm.

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng N:* Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

+ Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/7/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Quá trình tố tụng, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung: Xét hợp đồng vay vốn ngày 23/5/2023 giữa C với bà T thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, C1 đã giải ngân cho bà T số tiền 30.000.000 đồng. Bà T đã thanh toán được 8.040.798 đồng; trong đó: tiền gốc 6.844.798 đồng, lãi 456.000 đồng, TKBB 600.000 đồng, TKTN 140.000 đồng. Từ ngày 25/6/2024, bà T không thanh toán tiền cho C nên C đã thông báo chuyển nợ quá hạn. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Tính đến ngày 30/9/2025, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 25.435.202 đồng, trong đó: nợ gốc là 23.155.202 đồng, nợ lãi là 2.280.000 đồng. Do đó, C căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên để khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Nguyên đơn chỉ yêu cầu nhận đủ số tiền 25.435.202 đồng, không yêu cầu bị đơn phải thanh toán lãi quá hạn, lãi chậm trả, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Tại phiếu thông tin đăng ký vay vốn và bảo lãnh ngày 10/5/2023, bà Nguyễn Thị Hồng N cam kết bảo lãnh cho người vay, đồng ý trả nợ thay cho người vay trong trường hợp người vay không trả đúng hạn theo hợp đồng đã vay tại C. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện nếu bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu bà N có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ nêu trên cho Tổ chức tài chính vi Cla có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổ chức tài chính vi C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Tổ chức tài chính vi C khoản nợ theo hợp đồng vay vốn ngày 23/5/2023 tính đến ngày 30/9/2025 là 25.435.202 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm linh hai) đồng, bao gồm: nợ vốn gốc 23.155.202 (hai mươi ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm lẻ hai) đồng và nợ lãi 2.280.000 đồng (hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Ghi nhận tự nguyện của Tổ chức tài chính vi C không yêu cầu bị đơn trả lãi quá hạn.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ nêu trên cho Tổ chức tài chính C.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 1.271.760 đồng.

Trả lại cho nguyên đơn Tổ chức tài chính vi C 635.880 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp 0008347 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND KV 16 -TP Hồ Chí Minh(01);
- VKSND KV 16-Hồ Chí Minh(01);
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh(01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền

